

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiền

2. Bà Phạm Thị Lệ Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư số 03, thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu dân cư số 03, thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị H và anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-9-2019 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bích H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14-7-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau và có 01 con chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung

sống, anh T thường xuyên cờ bạc, nợ nần, chị phải đứng ra thế chấp quyền sử dụng đất để trả nợ. Trước đây chị đã khởi kiện xin ly hôn 01 lần và đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau khi chị rút đơn thì anh T vẫn không thay đổi nên chị không còn tin tưởng anh T được nữa. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Trần Giáng M, sinh ngày 29-5-2015. Hiện nay cháu M đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Trần Giáng M, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Trường hợp nếu Tòa án giao con cho anh T nuôi thì chị không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nhân viên tại Công ty Y, lương mỗi tháng khoảng 4.700.000đồng, giờ giấc làm việc từ 07 giờ đến 18 giờ.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 09-01-2020, các văn bản trình bày khác và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Bích H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Trước đây anh có đánh bạc, nhưng anh đã thấy được sai lầm của mình và đã bỏ. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị H và không muốn con thiếu thốn tình cảm của cha, mẹ nên không muốn ly hôn nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Bích H có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Trần Giáng M, sinh ngày 29-5-2015. Hiện nay cháu M đang sống cùng với chị H. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con cho chị H nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Hiện nay anh đang làm quản lý kho tại Công ty Y, lương hàng tháng khoảng 11.000.000đồng, giờ giấc làm việc từ 07 giờ 30 phút đến 17 giờ.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T; về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Giáng M, sinh ngày 29-5-2015 cho chị Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 2.000.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm chị Trần Thị Bích H khởi kiện thì anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14-7-2014 và đã được Ủy ban nhân dân xã B cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bích H cho rằng quá trình chung sống, giữa chị và anh Nguyễn Văn T xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn T hay chơi cờ bạc, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng vẫn không thay đổi nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Bị đơn anh Nguyễn Văn T cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do trước đây anh có chơi cờ bạc, nhưng anh đã thấy được sai lầm của mình nên đã bỏ, hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị H và không muốn con thiếu thốn tình cảm của cha, mẹ nên không muốn ly hôn nhưng nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng chị H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Giáng M, sinh ngày 29-5-2015 (hiện đang sống cùng với chị H). Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều yêu cầu được quyền nuôi con.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị H và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu M đang sống cùng với chị H, được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển bình thường. Ngoài ra, cháu M là nữ giới và chỉ mới hơn 04 năm tuổi nên việc giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu M được tốt hơn. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi về mọi mặt của cháu Nguyễn Trần Giáng M, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Trần Giáng M cho chị Trần Thị Bích H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-9-2019, nguyên đơn chị Trần Thị Bích H yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Tại phiên hòa giải ngày 09-01-2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn T trình bày nếu Tòa án giao con cho chị H nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, bảo đảm được quyền lợi cho con chưa thành niên nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Ghi nhận việc chị Trần Thị Bích H tự nguyện chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002496 ngày 03-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Trần Thị Bích H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Giáng M, sinh ngày 29-5-2015. Giao cháu Nguyễn Trần Giáng M cho chị Trần Thị Bích H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Giáng M mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 4 năm 2020) cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Trần Thị Bích H và anh Nguyễn Văn T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí:

Ghi nhận chị Trần Thị Bích H tự nguyện chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002496 ngày 03-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong